

Số: /QĐ-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II, năm học 2024 - 2025
cho sinh viên khoa Nông nghiệp, Tài nguyên và Môi trường

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Căn cứ Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg ngày 10/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp, nay là Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 156/NQ-HĐT ngày 29/3/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 162/QĐ-ĐHĐT ngày 17/3/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên hệ chính quy bậc đại học, cao đẳng;

Căn cứ Thông báo số 381/TB-ĐHĐT ngày 07/02/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc tạm giao kinh phí khoán cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên, năm học 2024 - 2025;

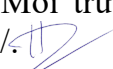
Xét đề nghị số 157/ĐN-NNTNMT ngày 23/7/2025 của khoa Nông nghiệp, Tài nguyên và Môi trường về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II, năm học 2024 - 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Đảng và Công tác sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II, năm học 2024 - 2025 cho 41 (bốn mươi một) sinh viên hệ đại học (thuộc các ngành đào tạo ngoài sư phạm) đạt kết quả học tập xuất sắc, giỏi, khá trong học kỳ I, năm học 2024 - 2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Thời gian được cấp học bổng là 05 tháng. Mức chi theo quy định hiện hành và theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

Điều 3. Trưởng phòng Công tác Đảng và Công tác sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng khoa Nông nghiệp, Tài nguyên và Môi trường và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CTĐ&CTSV (Nhân).

Cao Dao Thép

DANH SÁCH CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2024 - 2025
KHOA NÔNG NGHIỆP, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Các ngành đào tạo ngoài sư phạm)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHĐT ngày tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Số tiền 01 tháng	Số tháng được hưởng	Thành tiền	Ghi chú
1	0021413888	Lê Chí Hùng	ĐHQLĐĐ21A	3.92	94	Xuất sắc	1.780.000	5	8.900.000	
2	0021413638	Nguyễn Thị Như Ý	ĐHNTTS21A	3.87	90	Xuất sắc	1.780.000	5	8.900.000	
3	0022411799	Võ Thị Ngọc Trâm	ĐHQLĐĐ22A	4.00	95	Xuất sắc	1.780.000	5	8.900.000	
4	0022412147	Trần Thị Anh Thư	ĐHNTTS22A	4.00	94	Xuất sắc	1.780.000	5	8.900.000	
5	0022411309	Nguyễn Duy Phương	ĐHNTTS22A	3.76	97	Xuất sắc	1.780.000	5	8.900.000	
6	0022412517	Đinh Thị Như Ý	ĐHNTTS22A	3.76	96	Xuất sắc	1.780.000	5	8.900.000	
7	0022412350	Lê Vĩnh Khang	ĐHNH22A	4.00	96	Xuất sắc	1.780.000	5	8.900.000	
8	0022412128	Võ Anh Kiệt	ĐHNH22A	3.90	90	Xuất sắc	1.780.000	5	8.900.000	
9	0023411008	Nguyễn Văn Lý Hải	ĐHNTTS23A	3.72	90	Xuất sắc	1.780.000	5	8.900.000	
10	0023412537	Trần Ngọc Sơn	ĐHNTTS23A	3.72	96	Xuất sắc	1.780.000	5	8.900.000	
11	0023413304	Phạm Thị Thu Phượng	ĐHNH23A	3.89	90	Xuất sắc	1.780.000	5	8.900.000	
12	0023412348	Đặng Văn Kiệt	ĐHNH23A	3.88	92	Xuất sắc	1.780.000	5	8.900.000	
13	0024417511	Hà Thanh Toàn	ĐHKHMT24A	3.75	90	Xuất sắc	1.780.000	5	8.900.000	
14	0024419500	Đào Thị Minh Thư	ĐHQLĐĐ24B	3.87	98	Xuất sắc	1.780.000	5	8.900.000	
15	0021410892	Võ Minh Thuận	ĐHKHMT21A	3.38	91	Giỏi	1.580.000	5	7.900.000	
16	0021413742	Trần Thị Nhi	ĐHNTTS21A	3.89	87	Giỏi	1.580.000	5	7.900.000	
17	0021412145	Võ Thành Đạm	ĐHNH21A	3.43	89	Giỏi	1.580.000	5	7.900.000	

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Số tiền 01 tháng	Số tháng được hưởng	Thành tiền	Ghi chú
18	0022410510	Mai Nguyễn Yến Vy	ĐHKHMT22A	3.41	89	Giỏi	1.580.000	5	7.900.000	
19	0022411888	Nguyễn Thị Hồng Thắm	ĐHQLĐĐ22A	3.65	83	Giỏi	1.580.000	5	7.900.000	
20	0023413296	Lê Anh Khoa	ĐHQLTNMT23A	3.63	80	Giỏi	1.580.000	5	7.900.000	
21	0023410245	Nguyễn Thị Trúc Mi	ĐHQLTNMT23A	3.50	83	Giỏi	1.580.000	5	7.900.000	
22	0023414087	Phạm Thị Mỹ Huyền	ĐHQLĐĐ23A	3.55	89	Giỏi	1.580.000	5	7.900.000	
23	0023411167	Phạm Thị Tường Vy	ĐHQLĐĐ23A	3.50	88	Giỏi	1.580.000	5	7.900.000	
24	0023413661	Lê Văn Hoài Tâm	ĐHQLĐĐ23A	3.23	83	Giỏi	1.580.000	5	7.900.000	
25	0023411072	Nguyễn Ngọc Thảo	ĐHNNTS23A	3.67	87	Giỏi	1.580.000	5	7.900.000	
26	0023411539	Hồ Lê Hoàng Diễn	ĐHNH23A	4.00	86	Giỏi	1.580.000	5	7.900.000	
27	0024417406	Lê Hoài Nhân	ĐHQLTNMT24A	3.33	89	Giỏi	1.580.000	5	7.900.000	
28	0024418423	Nguyễn Trường An	ĐHQLĐĐ24A	3.60	89	Giỏi	1.580.000	5	7.900.000	
29	0024419418	Nguyễn Thị Mỹ Huỳnh	ĐHQLĐĐ24A	3.60	88	Giỏi	1.580.000	5	7.900.000	
30	0024417759	Trần Lê Thuận Thảo	ĐHQLĐĐ24B	3.93	85	Giỏi	1.580.000	5	7.900.000	
31	0024419103	Võ Trí Tường	ĐHNH24A	3.40	92	Giỏi	1.580.000	5	7.900.000	
32	0024417312	Võ Nguyễn Nhật Du	ĐHNH24A	3.27	88	Giỏi	1.580.000	5	7.900.000	
33	0024419486	Lê Hồng Ngọc Huệ	ĐHNH24A	3.20	90	Giỏi	1.580.000	5	7.900.000	
34	0024419436	Phạm Văn Đây	ĐHQLTNMT24A	3.00	80	Khá	1.380.000	5	6.900.000	
35	0024415897	Lại Trường Giang	ĐHQLTNMT24A	3.00	84	Khá	1.380.000	5	6.900.000	
36	0024419201	Nguyễn Văn Tiến Sĩ	ĐHKHMT24A	2.88	90	Khá	1.380.000	5	6.900.000	
37	0024418116	Nguyễn Khâ Du	ĐHNNTS24A	3.13	87	Khá	1.380.000	5	6.900.000	
38	0024417842	Trương Thị Khánh Băng	ĐHNNTS24A	3.07	88	Khá	1.380.000	5	6.900.000	
39	0024418972	Cao Văn Minh	ĐHNNTS24A	2.87	81	Khá	1.380.000	5	6.900.000	

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Số tiền 01 tháng	Số tháng được hưởng	Thành tiền	Ghi chú
40	0024419251	Lê Minh Nghĩa	ĐHNTTS24B	2.67	89	Khá	1.380.000	5	6.900.000	
41	0024419230	Đỗ Ngọc Tiền	ĐHNTTS24B	2.53	89	Khá	1.380.000	5	6.900.000	
Tổng cộng									329.900.000	

Bằng chữ: Ba trăm hai mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng